

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/DS-PT
Ngày 15-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;
Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2023/QĐPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 196/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn C: Ông Vũ Tiến N, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 25/02/2022), có mặt.

2. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

3. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

4. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

5. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D: Bà Đoàn Thị Huyền T, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: số D, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/4/2023), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn ông Phạm Văn C và ông Phạm Văn D: Ông Nguyễn Doãn H2, là Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh N – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

7. Bà Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

8. Bà Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

9. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình H4, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Các bị đơn ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Thu H3 và bà Phạm Thị Thu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:

Bà Huỳnh Thị Ngọc H cho bà Nguyễn Thị H5 và ông Phạm Văn V mượn tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15/10/2019, mượn 950.000.000 đồng và hứa 06 tháng là đến ngày 15/4/2020 sẽ hoàn trả hết số tiền cho bà Ngọc H. Giấy mượn tiền do chồng bà Ngọc H là ông Nguyễn Đình H4 viết; bà Nguyễn Thị H5 và ông V ký tên, lăn tay. Bà Nguyễn Thị H5 tự nguyện đưa cho bà Ngọc H giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H5 đứng tên để làm tin.

Lần 2: Ngày 30/12/2019, mượn số tiền 150.000.000 đồng. Giấy mượn tiền do chồng bà Ngọc H là ông Nguyễn Đình H4 viết; ông V ký tên, lăn tay.

Tuy nhiên, đến thời hạn bà Nguyễn Thị H5 và ông V không thanh toán tiền cho bà Ngọc H, nhiều lần bà Ngọc H yêu cầu bà Nguyễn Thị H5 và ông V

thanh toán tiền nhưng không được. Do đó, bà Ngọc H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C1, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1, bà Phạm Thị P thanh toán số tiền gốc 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi đối với số tiền 950.000.000 đồng tính từ ngày 15/4/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Ngọc H rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà Ngọc H không có yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị C1 và rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay ngày 30/12/2019. Bà Ngọc H chỉ yêu cầu ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1, bà Phạm Thị P thanh toán số tiền gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Nhà nước tính từ ngày 15/4/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Bà Ngọc H thừa nhận có nhận của bà Nguyễn Thị H5 và ông V số tiền lãi 06 tháng (từ 15/10/2019 đến 15/4/2020) là 210.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn C và người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn C trình bày:

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị H5 chung sống với nhau có 07 người con gồm: ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1, bà Phạm Thị P. Việc vay mượn tài sản giữa bà Huỳnh Thị Ngọc H với ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị H5 là không đúng sự thật, không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị H5. Bởi lẽ, bà H5 không biết chữ và bệnh tai biến nặng không làm chủ được hành vi của mình.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H thì ông C không đồng ý. Ông C yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc H trả lại cho gia đình ông C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK726475, số vào sổ CS02265 ngày 31/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị H5.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông C đồng ý thanh toán cho bà Ngọc H tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị C1, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1, bà Phạm Thị P trình bày:

Các ông, bà không liên quan gì đến việc vay tiền của bà Huỳnh Thị Ngọc H với bà Nguyễn Thị H5 và ông Phạm Văn V. Các ông, bà yêu cầu Tòa án làm việc trực tiếp và giải quyết vụ án với bà Ngọc H và ông V. Các ông bà yêu cầu bà Ngọc H phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK726475, số vào sổ CS02265 ngày 31/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị H5.

Bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Bà Nguyễn Thị H5 chết ngày 21/12/2021. Bà Nguyễn Thị H5 có cha tên Nguyễn Văn C2, sinh năm 1919, chết năm 1998 và mẹ tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1928, chết năm 1980. Chồng tên Phạm Văn C, sinh năm 1950. Bà H5 và

ông C có tất cả 07 người con gồm: Phạm Văn L, sinh năm 1978; Phạm Văn V, sinh năm 1980; Phạm Thị H1, sinh năm 1982; Phạm Văn D, sinh năm 1984; Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1986; Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1988; Phạm Thị P, sinh năm 1992. Bà H5 không có con riêng nào khác.

Ông D không biết gì về việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H5, ông Phạm Văn V với bà Huỳnh Thị Ngọc H. Thời điểm ngày 15/10/2019, bà Nguyễn Thị H5 bị bệnh tai biến lần hai nên tinh thần không còn minh mẫn, đến năm 2021 gia đình ông D có làm thủ tục tuyên bố bà H5 bị mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Ngày 15/10/2019, ông V có đi cùng mẹ là Nguyễn Thị H5 đến nhà bà Huỳnh Thị Ngọc H để vay số tiền là 950.000.000 đồng. Số tiền này là bà Nguyễn Thị H5 vay nhằm mục đích cho ông V làm ăn. Khi vay tiền ông V và bà Nguyễn Thị H5 có làm giấy tay, ký tên, lấn tay trong giấy vay tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc H. Bà Nguyễn Thị H5 có giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02265 ngày 31/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H5.

Ngày 30/12/2019, ông V có vay thêm của bà Huỳnh Thị Ngọc H số tiền là 150.000.000 đồng. Khi vay ông V có làm giấy tay, có ký tên, lấn tay.

Do làm ăn thua lỗ nên tiền vay của bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông V chưa thanh toán được lần nào. Nay bà Ngọc H khởi kiện thì ông V đồng ý thanh toán tiền cho bà Ngọc H. Tuy nhiên, ông V yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc H phải hoàn trả lại cho gia đình ông V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02265 ngày 31/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H5.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H4 trình bày: Thông nhất ý kiến của bà Huỳnh Thị Ngọc H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn C trình bày: Bản chất việc vay mượn tiền này là ông Vũ m. Bà Nguyễn Thị H5 bị liệt nửa người, nhận thức rất mơ hồ. Sau đó, bà Nguyễn Thị H5 bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Bà Nguyễn Thị H5 không biết chữ nên không rõ nội dung vì giấy mượn tiền do chồng nguyên đơn viết. Nay ông C và bà P đồng ý thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng cho nguyên đơn, đó là ý kiến của ông C và bà P. Vì ngoài ông C và bà P ra thì còn những người thừa kế khác của bà Nguyễn Thị H5. Số tiền lãi nguyên đơn đã nhận là vượt quá thì nên đề nghị Hội đồng xét xử tính lại theo quy định pháp luật. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại là phù hợp. Việc buộc những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H5 trả tiền là chưa có cơ sở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 125/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Huỳnh Thị Ngọc H đối với ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1, bà Phạm Thị P.

Buộc ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1, bà Phạm Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đình H4 số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). (Ông C, ông L, bà H1, ông D, bà H3, bà T1, bà P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Ngọc H và ông H4 trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị H5 chết để lại).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị C1 và yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay ngày 30/12/2019.

3. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H hoàn trả cho ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1, bà Phạm Thị P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 726475, số vào sổ cấp GCN: CS02265 ngày 31/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H5.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 05/01/2023 các bị đơn ông Phạm Văn D, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Phạm Văn D, ông Phạm Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị đơn: ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1 có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn D trình bày quan điểm: Trong gia đình, ông Phạm Văn V là người đạo diễn tất cả các khoản nợ của gia đình, lấy tài sản của gia đình tham gia để thực hiện các giao dịch, hiện có 05 vụ án do các Tòa án thụ lý liên quan đến các giao dịch của ông V. Trong vụ án này, bản chất việc vay mượn tiền là do ông V vay mượn và nhận tiền. Thời điểm ký Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019, bà Nguyễn Thị H5 bị tai biến liệt nửa người, nhận thức không rõ ràng nên không thể tự ký tên, lấn tay, không có nhu cầu vay tiền của nguyên đơn. Chính nguyên đơn thừa nhận giấy vay tiền do ông H4 viết, tay bà Nguyễn Thị H5 run nên nguyên đơn cầm tay bà Nguyễn Thị H5 lấn tay. Chồng và các con của bà Nguyễn Thị H5 xác nhận bà Nguyễn Thị H5 không biết chữ. Hồ sơ bệnh án được Tòa án thu thập đều thể hiện bà Nguyễn Thị H5 có độ tiếp xúc chậm, lúc được lúc không, nói khó. Ngày 27/9/2021, bà Nguyễn Thị H5 bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nhưng trước đó bà H5 đã bị liệt nửa người. Nội dung Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019 không thể hiện bà H5 biết nội dung vay

mượn tiền này, vì chính nguyên đơn xác nhận bà Nguyễn Thị H5 không biết chữ. Về lãi suất, nguyên đơn đã thừa nhận ông V là người trả lãi, ông V là người chở bà H5 đến nhà nguyên đơn, ông V nhận thêm số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, bản chất vụ việc là ông V vay tiền của nguyên đơn, bà H5 không vay và không có nhu cầu vay tiền của nguyên đơn, cũng không đi vay giúp ông V. Từ những căn cứ nêu trên, thấy kháng cáo của các bị đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm về chủ thể vay mượn tiền, nhận tiền và lãi suất theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019 (bút lục 09) thể hiện bà Nguyễn Thị H5 mượn bà Huỳnh Thị Ngọc H số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay để cho con là ông Phạm Văn V làm ăn, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị H5, có dấu vân tay của bà H5 và chữ ký, dấu vân tay của ông Phạm Văn V. Ông V thừa nhận có đi cùng với bà Nguyễn Thị H5 để vay tiền của nguyên đơn và thừa nhận chữ ký của ông V và số tiền vay ông V sử dụng, do đó bà H5 phải có trách nhiệm trả số tiền gốc 950.000.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng cho nguyên đơn. Ngày 21/12/2021, bà H5 chết không để lại di chúc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H5 trả nợ trong phạm vi di sản bà Nguyễn Thị H5 để lại là phù hợp.

Bị đơn ông Phạm Văn D kháng cáo cho rằng tại thời điểm ký giấy vay tiền ngày 15/10/2019, bà Nguyễn Thị H5 không có khả năng nhận thức, làm chủ hành vi, tuy nhiên tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09 ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự thì Tòa án căn cứ vào Kết luận giám định pháp y tâm thần số 436 ngày 14/6/2021 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà để tuyên bố bà Nguyễn Thị H5 mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, thời điểm bà Nguyễn Thị H5 vay tiền của nguyên đơn là trước khi được tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật; bị đơn Phạm Văn D kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Luật sư, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị H1 đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị P vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bị đơn ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1 có đơn kháng cáo nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do thì coi như từ bỏ việc kháng cáo. Cho nên căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Thu H3, bà Phạm Thị Thu T1.

[2] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019 (bút lục 09) do nguyên đơn cung cấp có nội dung bà Nguyễn Thị H5 có mượn của bà Huỳnh Thị Ngọc H số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn là 06 tháng; mục đích vay tiền “*để tôi cho con tôi làm ăn tên là: Phạm Văn V*”; phần cuối giấy mượn tiền có chữ ký, họ tên dấu lấn tay của bà Nguyễn Thị H5, ông Phạm Văn V...; có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H5 để làm tin; cam kết sẽ hoàn trả số tiền gốc đúng thời gian quy định. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn V thừa nhận việc vay tiền và chữ ký, chữ viết họ tên, dấu lấn tay là của bà Nguyễn Thị H5 và ông Phạm Văn V. Các bị đơn khác cũng không yêu cầu giám định làm rõ chữ ký, chữ viết, dấu lấn tay của bà Nguyễn Thị H5 trong Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019, mà chỉ cho rằng bà Nguyễn Thị H5 không biết chữ nên không biết rõ nội dung giấy mượn tiền, bản chất việc vay mượn tiền này là do ông Phạm Văn V vay, không phải bà Nguyễn Thị H5 vay. Như vậy, có việc bà Nguyễn Thị H5 ký tên, lấn tay trong Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019 có nội dung như trên.

Căn cứ vào Hồ sơ bệnh án của bà Nguyễn Thị H5 do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương cung cấp (bút lục 78 – 122) thì bà Nguyễn Thị H5 bị nhồi máu não nhập viện ngày 14/8/2018, xuất viện ngày 11/9/2018; quá trình điều trị bệnh tình, tiếp xúc tốt, bệnh ổn, xuất viện. Bà Nguyễn Thị H5 bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 09/2021/QĐST-DS ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Ngày 21/12/2021, bà Nguyễn Thị H5 chết không để lại di chúc.

Từ những chứng cứ nêu trên, không có cơ sở cho rằng bà Nguyễn Thị H5 không minh mẫn khi xác lập Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019, việc bà Nguyễn Thị H5 vay tiền để sử dụng vào mục đích gì là thuộc phạm vi ý chí định đoạt của bà Nguyễn Thị H5. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H5 vay số tiền 950.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị Ngọc H. Bà Nguyễn Thị H5 chết ngày 21/12/2021, đến khi chết bà Nguyễn Thị H5 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Huỳnh Thị Ngọc H, đồng thời tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị P1 là chồng, con của bà Nguyễn Thị H5 đồng ý trả nợ vay cho nguyên đơn nên việc bà Huỳnh Thị Ngọc H khởi kiện các bị đơn là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H5 yêu cầu trả nợ vay là phù hợp với

quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn số tiền lãi là 50.000.000 đồng là có lợi cho các bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đình H4 số tiền 1.000.000.000 đồng (tiền gốc: 950.000.000 đồng và tiền lãi: 50.000.000 đồng) trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị H5 chết để lại là phù hợp.

[3] Bị đơn ông Phạm Văn D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470, 609, 613, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị đơn: ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Thu H3 và bà Phạm Thị Thu T1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn D.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011340 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011341 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Bà Phạm Thị Thu H3 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011342 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Bà Phạm Thị Thu T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011343 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc